UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

KẾT QUẢ VÒNG 2 (PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022 BẬC MẦM NON

(Ban hành Kèm theo Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột 2022)

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	H Pri Sil Niê	MN001	25/01/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Ea Kao	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		54	5	59	Trúng tuyển	
2	Bùi Thị Thảo	MN002	17/12/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Kao	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		57.5		57.5	Trúng tuyển	
3	Trương Thị Vân	MN003	01/7/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Kao	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	
4	Trần Thanh Bình	MN004	28/9/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
5	Phí Thị Linh Đan	MN005	15/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		54		54	Không trúng tuyển	
6	Trương Thị Giang	MN006	19/5/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		81		81	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Hằng	MN007	29/07/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
8	Phạm Thị Hoa	MN008	22/02/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		51		51	Không trúng tuyển	
9	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	MN009	14/4/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		42		42	Không trúng tuyển	
10	Phạm Thị Như Huỳnh	MN010	20/11/1997	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68	5	73	Trúng tuyển	
11	Nguyễn Thị Hồng Liên	MN011	22/3/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	Có kết quả học tập (bảng điểm ĐH) cao hơn
12	Lê Thị Minh	MN012	24/9/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69.5		69.5	Trúng tuyển	
13	Nguyễn Thị Nga	MN013	20/8/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		59		59	Không trúng tuyển	
14	Nguyễn Thị Nhâm	MN014	25/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		26		26	Không trúng tuyển	
15	Bùi Thị Nhạn	MN015	09/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
16	Nguyễn Thị Hoài Nhi	MN016	20/6/1982	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		3.5		3.5	Không trúng tuyển	
17	Trần Thị Hồng Nhung	MN017	10/5/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		8		8	Không trúng tuyển	
18	Lê Thị Hà Quyên	MN018	30/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		70		70	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
19	Trương Thị Quỳnh	MN019	11/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		74		74	Trúng tuyển	
20	Cao Thị Thanh Thảo	MN020	30/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		55		55	Không trúng tuyển	
21	Nguyễn Thị Cẩm Trang	MN021	03/10/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		73.5		73.5	Trúng tuyển	
22	Lê Thị Huyền Trang	MN022	23/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Không Trúng tuyển	
23	Võ Hoài Trang	MN023	12/7/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
24	Trương Thị Quỳnh Trang	MN024	30/6/2000	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		34	5	39	Không trúng tuyển	
25	Đỗ Thị Kiều Trinh	MN025	15/6/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		10		10	Không trúng tuyển	
26	Võ Thị Tuyết	MN026	25/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
27	Trần Thị Thu Uyên	MN027	02/01/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		75.5		75.5	Trúng tuyển	
28	Nguyễn Thị Vân	MN028	23/11/1988	Nữ	Kinh	Con NNCĐHH	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		20	5	25	Không trúng tuyển	
29	Trần Thị Hồng Yến	MN029	20/5/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 10/3	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		70		70	Trúng tuyển	
30	H' Dinh Byă	MN030	22/01/1993	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Cư Ébur	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		45	5	50	Không trúng tuyển	
31	H' Duyên Niê	MN031	03/4/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Cư Ébur	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		74	5	79	Trúng tuyển	
32	Nguyễn Thị Thanh Bình	MN049	11/10/1985	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Phú	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
33	Nguyễn Thị Quyên	MN050	06/12/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Phú	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		80		80	Trúng tuyển	
34	H' Chiêu Niê	MN032	02/8/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		46	5	51	Không trúng tuyển	
35	H' Thức Êban	MN033	12/8/1987	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		75	5	80	Trúng tuyển	
36	H' Vân Niê	MN034	10/10/1996	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		41.5	5	46.5	Không trúng tuyển	
37	Trần Thị Thanh Huyền	MN035	24/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68.5		68.5	Trúng tuyển	
38	Trần Thị Mỹ Linh	MN036	15/6/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	Có kết quả học tập (bảng điểm ĐH) cao hơn
39	Nguyễn Thị Nhàn	MN037	22/4/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Tu	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Không trúng tuyển	
40	Lê Thị Thúy	MN038	26/12/1990	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		59	5	64	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
41	Nguyễn Thị Huyền Vy	MN039	28/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ea Tu	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		71		71	Trúng tuyển	
42	Trịnh Thị Lương	MN040	12/12/1983	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		59.5		59.5	Trúng tuyển	
43	Vũ Đoàn Thị Ngọc Minh	MN041	10/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
44	Nguyễn Thị Phương Thảo	MN042	06/01/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
45	Bùi Thị Tho	MN043	26/7/1998	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		62	5	67	Trúng tuyển	
46	Trần Thị Trâm	MN044	19/03/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		75.5		75.5	Trúng tuyển	
47	Đặng Hồng Trường	MN045	25/3/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68.5		68.5	Trúng tuyển	
48	Ninh Thị Xuân	MN046	21/3/1989	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Khánh	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		59	5	64	Trúng tuyển	
49	H' Yên Niê	MN047	15/12/1989	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Khánh	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		53.5	5	58.5	Không trúng tuyển	
50	Lê Thị Hoài	MN048	20/5/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Lan	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
51	Lê Thị Thu Huệ	MN051	24/02/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		54.5		54.5	Trúng tuyển	
52	Dương Chi Ngọc	MN052	05/10/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		36.5		36.5	Không trúng tuyển	
53	Trần Thảo Nguyên	MN053	15/01/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
54	Trần Thị Thảo	MN054	09/10/1993	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		42	5	47	Không trúng tuyển	
55	Lê Thị Bích Thủy	MN055	01/7/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
56	La Thị Trang	MN056	23/7/1997	Nữ	Thái	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		23.5	5	28.5	Không trúng tuyển	
57	Trần Thị Tuyết	MN057	02/12/1981	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
58	H' Dưa Niê	MN058	21/01/1994	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		34	5	39	Không trúng tuyển	
59	H' Yương Buôn Krông	MN059	18/10/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68.5	5	73.5	Trúng tuyển	
60	Hồ Thị Lan Anh	MN060	14/6/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		30.5		30.5	Không trúng tuyển	
61	Trần Nguyễn Uyên Chi	MN061	24/10/1996	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		41	5	46	Không trúng tuyển	
62	Nguyễn Thị Hiền	MN062	20/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		50		50	Trúng tuyển	
63	Nguyễn Thị Thanh Nga	MN063	08/9/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
64	Hoàng Thị Nhung	MN064	10/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
65	Ngô Thị Tuyết Trinh	MN065	19/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		41		41	Không trúng tuyển	
66	Hà Thị Mộng Trinh	MN066	01/11/1996	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		60.5	5	65.5	Trúng tuyển	
67	Đinh Thị Như Trúc	MN067	30/9/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		71		71	Trúng tuyển	
68	H' Bơ Niê	MN068	08/01/1991	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Thắng	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		51.5	5	56.5	Trúng tuyển	
69	Nguyễn Thị Trang Hương	MN069	20/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thuận	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		70		70	Trúng tuyển	
70	Nguyễn Thanh Nhã	MN070	02/09/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thuận	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		70		70	Trúng tuyển	
71	Đặng Thị Kim Phước	MN071	15/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thuận	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		41		41	Không trúng tuyển	
72	Vương Thị Linh Trang	MN072	15/5/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thuận	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69.5		69.5	Trúng tuyển	
73	Mai Cẩm Trinh	MN073	04/3/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Thuận	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	
74	Lê Thị Lan	MN074	20/11/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		72.5		72.5	Trúng tuyển	
75	H' Đam Byă	MN075	02/9/1987	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		72	5	77	Trúng tuyển	
76	H' Lăng Buôn Yă	MN076	03/5/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		77	5	82	Trúng tuyển	
77	H Na Sa Byă	MN077	28/8/1993	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		57.5	5	62.5	Trúng tuyển	
78	Lục Thị Nga	MN078	18/9/1994	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		51.5	5	56.5	Không trúng tuyển	
79	H' Xuân Bkrông	MN079	22/11/1985	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Hòa Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		70	5	75	Trúng tuyển	
80	Lộc Thị Lệ	MN080	25/12/1998	Nữ	Thái	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Khánh Xuân	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		69.5	5	74.5	Trúng tuyển	
81	Đoàn Thị Mỹ Ngọc	MN081	02/4/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Khánh Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		62		62	Không trúng tuyển	
82	Vũ Thị Thùy Trang	MN082	11/05/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Khánh Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		56		56	Không trúng tuyển	
83	Trần Thị Mai Chăm	MN083	21/9/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
84	Lâm Thị Thu Hằng	MN084	20/01/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		56		56	Không trúng tuyển	
85	Trần Thị Hòa	MN085	29/10/1984	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		72.5	5	77.5	Trúng tuyển	
86	Hà Thị Thu Thủy	MN086	11/5/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		51		51	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
87	Nguyễn Thị Tư	MN087	20/7/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		69.5		69.5	Trúng tuyển	
88	Nguyễn Thị Tuyết	MN088	06/03/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		56		56	Không trúng tuyển	
89	Nguyễn Thị Tuyết	MN089	05/8/2000	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		61	5	66	Trúng tuyển	
90	H' Dê Niê	MN090	20/4/1999	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Rạng Đông	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		55.5	5	60.5	Trúng tuyển	
91	Phạm Thị Thu Dân	MN091	20/6/1995	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		60.5	5	65.5	Không trúng tuyển	
92	Phan Thị Duyên	MN092	18/8/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
93	Nguyễn Thị Mai	MN093	10/5/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		71		71	Trúng tuyển	
94	Hồ Thị Nam Mỹ	MN094	29/5/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68.5		68.5	Trúng tuyển	
95	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	MN095	15/12/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
96	Lưu Thị Thu Sương	MN096	26/8/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68.5		68.5	Trúng tuyển	
97	Nguyễn Thị Thu Thảo	MN097	23/12/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
98	Trần Thị Thơm	MN098	02/11/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
99	Lương Thu Hằng	MN099	02/10/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Hòa	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	
100	Nguyễn Thị Lệ Khuyên	MN100	02/01/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Hòa	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		57		57	Trúng tuyển	
101	Nguyễn Thị Minh Thắm	MN101	30/01/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Hòa	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		50.5		50.5	Trúng tuyển	
102	Nguyễn Thị Trang	MN102	22/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Hòa	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Trúng tuyển	
103	Hà Thị Minh Xuân	MN103	21/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Hòa	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
104	Võ Thị Diệu	MN104	21/11/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lập	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		55		55	Không trúng tuyển	
105	H' Em Niê Brit	MN105	21/10/1991	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lập	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		45	5	50	Không trúng tuyển	
106	Hà Nữ Thanh Quyên	MN106	10/10/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lập	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
107	Võ Thùy Dung	MN107	01/5/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		70		70	Trúng tuyển	
108	Võ Thị Thu Hà	MN108	08/4/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	9+3	Đại học	Giáo dục mầm non		60		60	Trúng tuyển	
109	Nguyễn Thị Khánh	MN109	20/11/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69		69	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
110	Lê Thị Phương Loan	MN110	20/5/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		50		50	Không trúng tuyển	
111	Bùi Thị Hoa Sen	MN111	30/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		57		57	Không trúng tuyển	
112	Đào Thị Tuyến	MN112	10/9/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Lợi	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		80		80	Trúng tuyển	
113	Phạm Thị Lệ Bình	MN114	12/02/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thắng Lợi	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		57		57	Trúng tuyển	
114	Bun Sí Lào	MN115	01/12/1996	Nữ	Lào	DTTS	Giáo viên Mầm non (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Mầm non Thắng Lợi	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		49	5	54	Không trúng tuyển	
115	Nguyễn Thị Hằng	MN116	19/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Công	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		85		85	Trúng tuyển	
116	Nguyễn Thị Thanh Phương	MN117	26/4/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Công	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		20		20	Không trúng tuyển	
117	Nguyễn Thị Thanh Thúy	MN118	02/9/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Công	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		68		68	Trúng tuyển	
118	Phạm Thị Kiều Trang	MN119	06/8/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Công	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		78		78	Trúng tuyển	
119	Trần Thị Thu Hà	MN113	15/11/1994	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Thành	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68.5	5	73.5	Trúng tuyển	
120	Trần Thị Ngọc Ánh	MN120	13/7/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Nhất	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		69.5		69.5	Trúng tuyển	
121	Phạm Thị Thanh Dung	MN121	15/8/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Nhất	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
122	Trần Thị Hồng Thúy	MN122	17/11/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Nhất	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		62		62	Không trúng tuyển	
123	H' Trang Byă	MN123	22/01/1988	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thành Nhất	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		40	5	45	Không trúng tuyển	
124	Lê Thị Hòa	MN124	10/01/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thống Nhất	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		78		78	Trúng tuyển	
125	Nguyễn Thị Thanh Thúy	MN125	02/3/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thống Nhất	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		68.5		68.5	Trúng tuyển	
126	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	MN126	13/02/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		60.5		60.5	Trúng tuyển	
127	Nguyễn Thị Hà	MN127	26/8/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		46		46	Không trúng tuyển	
128	Ngô Thị Lan Hương	MN128	13/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		40.5		40.5	Không trúng tuyển	
129	Trần Thị Lắm	MN129	09/11/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		59		59	Trúng tuyển	
130	Ngô Nguyễn Khánh Ly	MN130	28/9/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	
131	Ngô Thị Xuân Mai	MN131	16/02/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		11		11	Không trúng tuyển	
132	Hoàng Thị Sim	MN132	24/8/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		61		61	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
133	Ngô Thị Tâm	MN133	18/01/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		69.5		69.5	Trúng tuyển	
134	Nguyễn Thị Thu	MN134	19/09/1984	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		76	5	81	Trúng tuyển	
135	Nguyễn Thị Thủy	MN135	01/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		57		57	Trúng tuyển	
136	Trịnh Thị Thu Vân	MN136	20/7/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		50.5		50.5	Trúng tuyển	
137	Nguyễn Thị Vân	MN137	07/07/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		44		44	Không trúng tuyển	
138	Thái Thị Yến	MN138	06/12/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tự An	12/12	Đại học	Giáo dục mầm non		41		41	Không trúng tuyển	
Danh sách gồm 138 thí sinh./.																	

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

KẾT QUẢ VÒNG 2 (PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022 BẬC TIỂU HỌC

(Ban hành Kèm theo Tờ trình số 82 /TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột 2022)

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*
1	Nguyễn Thị Giang	TH001	23/6/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		59		59	Không trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Kim Ly	TH002	09/3/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Nghĩa	TH003	10/8/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất		65		65	Không trúng tuyển	
4	Trịnh Thị Hương Sen	TH004	20/01/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Thể chất	Có	71		71	Trúng tuyển	
5	Trần Thị Hồng	TH005	12/5/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Trúng tuyển	
6	Phạm Thị Thu Huyền	TH006	21/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75.5		75.5	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Ngọc Liên	TH007	26/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
8	H'Lom Ayũn	TH008	16/4/1997	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50	5	55	Không trúng tuyển	
9	Nguyễn Thị Hoa Thảo	TH009	07/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		78		78	Trúng tuyển	
10	Ngô Phương Thảo	TH010	12/02/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		78		78	Trúng tuyển	
11	Phan Thị Thơ	TH011	20/11/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		45		45	Không trúng tuyển	
12	Nguyễn Anh Thơ	TH012	13/8/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		81		81	Trúng tuyển	
13	Lê Thị Thuận	TH013	20/02/1986	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	
14	Trần Thị Mỹ Thương	TH014	01/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50		50	Không trúng tuyển	
15	Hoàng Thị Trang	TH015	04/7/1992	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		40	5	45	Không trúng tuyển	
16	Nguyễn Lê Hồng Trinh	TH016	08/9/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		85		85	Trúng tuyển	
17	Lê Thu Uyên	TH017	08/12/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
18	H' Yến Nỡm	TH018	10/4/1995	Nữ	M Nông	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		66	5	71	Trúng tuyển	
19	Võ Thị Mỹ Duyên	TH026	25/11/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		66		66	Trúng tuyển	
20	Võ Thị Thủy Trang	TH027	09/04/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		55		55	Không trúng tuyển	
21	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TH022	25/4/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Đại Hành	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		76		76	Trúng tuyển	
22	Phạm Thị Lan	TH023	27/8/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Đại Hành	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		45.5		45.5	Không trúng tuyển	
23	Nguyễn Thị Thanh Lịch	TH024	26/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Đại Hành	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		92		92	Trúng tuyển	
24	Lê Thị Huyền Trang	TH025	15/8/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Đại Hành	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		81.5		81.5	Trúng tuyển	
25	Trần Tiến Được	TH028	27/9/1994	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50		50	Không trúng tuyển	
26	Cao Thị Thu Hà	TH029	27/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		79		79	Trúng tuyển	
27	Phan Thị Thu Hà	TH030	24/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		57		57	Không trúng tuyển	
28	H Nhi Niê	TH031	19/7/1997	Nữ	M'nông	DTTS	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
29	Nguyễn Thị Bích Ngân	TH032	10/11/1983	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Tin học	Có	58.5		58.5	Trúng tuyển	
30	Đặng Thị Giang	TH033	20/6/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65.5		65.5	Không trúng tuyển	
31	Phạm Thị Hà Ly	TH034	26/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
32	Nguyễn Thị Kiều Nhi	TH035	17/3/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		85		85	Trúng tuyển	
33	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TH036	16/6/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
34	Nay H'Chên	TH037	07/01/1989	Nữ	Ja Rai	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50.5	5	55.5	Không trúng tuyển	
35	H' Nã Buôn Krông	TH038	22/02/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50.5	5	55.5	Không trúng tuyển	
36	H' Nga Niê	TH039	15/5/1997	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		76	5	81	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
37	H' Nip Hmok	TH040	18/10/1996	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Lê Lai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75	5	80	Trúng tuyển	
38	Nguyễn Như Thọ	TH041	02/5/1989	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân	12/12	Đại học	Kỹ thuật mạng	Có	60		60	Trúng tuyển	
39	Hồ Thị Thanh Hoa	TH042	18/8/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		76		76	Trúng tuyển	
40	H' Dư Byă	TH156	28/10/1989	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phú Thái	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		70	5	75	Trúng tuyển	
41	Trần Thị Ngọc Ánh	TH157	22/10/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phú Thái	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Trúng tuyển	
42	Đinh Thị Hằng My	TH158	28/8/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phú Thái	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
43	H' Nguyệt Ksơr	TH043	10/12/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72	5	77	Trúng tuyển	
44	Phan Thị Vy	TH044	10/8/1993	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64.5	5	69.5	Không trúng tuyển	
45	Nguyễn Hoài Thương	TH045	08/3/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	74		74	Trúng tuyển	
46	Châu Thị Minh Hằng	TH046	06/11/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		66		66	Trúng tuyển	
47	Phạm Thị Thanh Lam	TH047	29/4/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63		63	Không trúng tuyển	
48	Nguyễn Thị Ánh Lan	TH048	08/6/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
49	Lê Thị Quý Mai	TH049	20/8/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
50	Nguyễn Thị Trà My	TH050	25/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
51	Nguyễn Thị Thu Thảo	TH051	16/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		59		59	Không trúng tuyển	
52	Vũ Ngọc Hoài Thương	TH052	29/4/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
53	Lê Thị Ninh Trang	TH053	01/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		58		58	Không trúng tuyển	
54	Bùi Thị Thanh Trúc	TH054	20/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		68		68	Trúng tuyển	
55	Phạm Thúy Vương	TH055	13/11/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Đĩnh Chi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72		72	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
56	Lê Thị Hà	TH056	07/9/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		68.5		68.5	Trúng tuyển	
57	Nguyễn Thị Ngọc Hiên	TH057	14/9/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61		61	Không trúng tuyển	
58	Phạm Ngọc Hoa	TH058	18/10/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		57.5		57.5	Không trúng tuyển	
59	H' Mora Êban	TH059	20/9/1994	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		51	5	56	Không trúng tuyển	
60	Trần Thị Nga	TH060	04/7/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
61	Nguyễn Thị Mây	TH061	20/9/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	60.5		60.5	Trúng tuyển	
62	H Quế Phi Niê	TH062	12/8/1997	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		55.5	5	60.5	Không trúng tuyển	
63	Nguyễn Thị Phương Thảo	TH063	22/12/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học, Ths	Sư phạm Tiếng Anh		51.5		51.5	Không trúng tuyển	
64	Nguyễn Thị Cẩm Chi	TH090	16/02/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Quyền	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
65	Trần Thị Lệ Hằng	TH091	10/7/1982	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Ngô Quyền	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	73.5		73.5	Trúng tuyển	
66	Võ Thị Thu Hiếu	TH070	26/02/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
67	Nguyễn Thị Huệ	TH071	13/7/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Ngô Mây	9 + 3	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
68	Võ Thị Lam	TH072	26/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		76		76	Trúng tuyển	
69	Huỳnh Thị Thúy Vi	TH073	09/02/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		40.5		40.5	Không trúng tuyển	
70	Lê Thị Lan Anh ÊBan	TH074	20/11/1999	Nữ	Kinh	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		44	5	49	Không trúng tuyển	
71	Trần Thị Đoan	TH075	12/8/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		78.5		78.5	Trúng tuyển	
72	Võ Thị Hằng	TH076	06/10/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
73	Lê Thị Thanh Hương	TH077	24/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64.5		64.5	Trúng tuyển	
74	Đặng Phương Nam	TH078	19/5/1995	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		35.5		35.5	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
75	Hoàng Thị Ngọc Thảo	TH079	06/8/1998	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		36.5	5	41.5	Không trúng tuyển	
76	Võ Thị Thảo	TH080	28/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		78.5		78.5	Trúng tuyển	
77	Phan Thị Thiện	TH081	22/02/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
78	Nguyễn Thị Hoài Thu	TH082	03/10/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71.5		71.5	Trúng tuyển	
79	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TH083	28/10/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		54		54	Không trúng tuyển	
80	Phạm Văn Tình	TH084	10/4/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
81	Nguyễn Thị Mai Anh	TH064	03/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		44		44	Không trúng tuyển	
82	Nguyễn Phan Thanh Bình	TH065	03/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		77		77	Trúng tuyển	
83	Ngô Thị Hiền	TH066	01/01/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		79		79	Trúng tuyển	
84	Trần Thị Mai Ly	TH067	09/9/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		54		54	Không trúng tuyển	
85	Nguyễn Hồng Sơn	TH068	13/01/2000	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73.5		73.5	Trúng tuyển	
86	Nguyễn Thị Thảo	TH069	19/11/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60		60	Không trúng tuyển	
87	H' Đuen ÊNuôl	TH085	18/02/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72	5	77	Trúng tuyển	
88	Hoàng Thị Liễu	TH086	26/5/1988	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		52	5	57	Không trúng tuyển	
89	H Mi Ka Niê	TH087	17/10/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
90	H' NiKa Kbuôr	TH088	23/3/1990	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61	5	66	Trúng tuyển	
91	H' Thin Êban	TH089	30/12/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Ngô Mây	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		74	5	79	Trúng tuyển	
92	Lê Thị Ngọc Ánh	TH092	02/2/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		45		45	Không trúng tuyển	
93	Nguyễn Thị Trà Giang	TH093	01/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
94	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TH094	10/9/1989	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		62	5	67	Không trúng tuyển	
95	Phạm Thị Thùy Linh	TH095	02/8/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		74.5		74.5	Trúng tuyển	
96	Nguyễn Thị Thanh Nga	TH096	12/10/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		77		77	Trúng tuyển	
97	Triệu Thị Thắm	TH097	03/02/1991	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56	5	61	Không trúng tuyển	
98	Nguyễn Thị Hường	TH098	13/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	74		74	Trúng tuyển	
99	Mai Nguyễn Mỹ Quỳnh	TH121	25/10/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		71.5		71.5	Trúng tuyển	
100	Nguyễn Bá Trường	TH122	08/11/1999	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
101	Văn Thị Hà	TH120	14/8/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		74		74	Trúng tuyển	
102	Hoàng Thị Thùy Dung	TH115	16/7/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56		56	Không trúng tuyển	
103	Nguyễn Thị Trà Giang	TH116	05/12/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72.5		72.5	Trúng tuyển	
104	Cao Thị Nhung	TH117	10/9/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
105	Nguyễn Thị Tường Vy	TH118	02/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	
106	Tạ Thị Ngọc Yến	TH119	06/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		21.5		21.5	Không trúng tuyển	
107	Nguyễn Lan Anh	TH099	02/9/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		67.5		67.5	Không trúng tuyển	
108	Vũ Nguyễn Tuấn Anh	TH100	17/11/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	47		47	Không trúng tuyển	
109	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TH101	01/8/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
110	Ngô Thị Anh Đào	TH102	16/10/1993	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		65	5	70	Không trúng tuyển	
111	Lê Thị Thu Hằng	TH103	30/8/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	53.5		53.5	Không trúng tuyển	
112	Bùi Thị Thu Hiền	TH104	20/8/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50.5		50.5	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
113	Trần Thị Thiên Hương	TH105	22/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	63		63	Không trúng tuyển	
114	Nguyễn Thị Xuân Huyên	TH106	23/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50		50	Không trúng tuyển	
115	Nguyễn Thị Linh	TH107	06/10/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	71		71	Trúng tuyển	
116	Nguyễn Thành Vương	TH108	23/9/1991	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Sư Phạm Tin học		72.5		72.5	Trúng tuyển	
117	Nguyễn Thị Lệ Chi	TH109	09/6/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		59.5		59.5	Không trúng tuyển	
118	Nguyễn Thị Thúy Hằng	TH110	17/8/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		68.5		68.5	Không trúng tuyển	
119	Lê Thị Thanh Huệ	TH111	03/11/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71.5		71.5	Trúng tuyển	
120	Phan Thị Lưu	TH112	06/02/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56		56	Không trúng tuyển	
121	Trần Thị Kim Ly	TH113	14/10/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		70		70	Không trúng tuyển	
122	Phạm Thị Anh Ngọc	TH114	02/9/1994	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71	5	76	Trúng tuyển	
123	H' Dôn Knul	TH123	02/3/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		0	5	5	Không trúng tuyển	
124	Lê Thị Hữu Trang	TH124	12/12/1997	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		81	5	86	Trúng tuyển	
125	Giang Thị Hà	TH125	14/4/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
126	Phan Thị Thanh Hà	TH126	29/7/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		78		78	Trúng tuyển	
127	Nguyễn Thị Huệ	TH127	04/02/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Trúng tuyển	
128	Phan Thị Mỹ Linh	TH128	24/8/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		40		40	Không trúng tuyển	
129	Trần Thị Khánh Ly	TH129	10/6/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
130	Nguyễn Thị Mai Oanh	TH130	28/8/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		79		79	Trúng tuyển	
131	Nguyễn Thị Thùy Trang	TH131	19/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		62		62	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
132	Hà Thị Kiều Trang	TH132	08/5/1989	Nữ	Kinh	Con NNCĐHH	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60	5	65	Trúng tuyển	
133	Hoàng Thị Mỹ	TH133	25/8/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	12/12	Đại học	Sư Phạm Tin học		75		75	Trúng tuyển	
134	Đỗ Hồng Nhung	TH134	02/02/1989	Nữ	Kinh	Con NNCĐHH	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	80	5	85	Trúng tuyển	
135	H' LiKa Niê	TH135	22/3/1989	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		86	5	91	Trúng tuyển	
136	Y Lót Niê	TH136	14/11/1995	Nam	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		45	5	50	Không trúng tuyển	
137	Phan Thị Hải Yến	TH137	15/5/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64		64	Không trúng tuyển	
138	Y Săm Son Niê	TH138	20/5/1993	Nam	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Nơ Trang Lơng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71	5	76	Trúng tuyển	
139	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	TH139	29/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Trúng tuyển	
140	Nông Thị Ngọc Hồi	TH140	08/3/1990	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		52	5	57	Không trúng tuyển	
141	Nguyễn Thị Oanh	TH141	10/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Trúng tuyển	
142	Nguyễn Thị Dung	TH161	03/4/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phú Vinh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		95		95	Trúng tuyển	
143	H' Bĩ Ê Nũôl	TH142	26/7/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61	5	66	Không trúng tuyển	
144	H' Điệp H Đŏk	TH143	06/10/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61	5	66	Không trúng tuyển	
145	H' Nõel Ktul	TH144	31/3/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		62	5	67	Trúng tuyển	
146	Lộc Thị Phường	TH145	22/01/1990	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64.5	5	69.5	Trúng tuyển	
147	H' Yim A Yũn	TH146	24/5/1996	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		67	5	72	Trúng tuyển	
148	Hoàng Thị Trà	TH147	10/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72		72	Trúng tuyển	
149	Trịnh Thị Hương	TH148	13/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
150	Trịnh Thị Ngọc Huế	TH149	17/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
151	SaMa Niê Kđăm	TH150	29/4/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75	5	80	Trúng tuyển	
152	Dương Thị Thanh	TH151	13/12/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		59		59	Không trúng tuyển	
153	Lê Thị Thu Thảo	TH152	13/5/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
154	H' Giang Êban	TH153	09/4/1990	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64	5	69	Trúng tuyển	
155	H' Mo Lek Niê	TH154	23/6/1990	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		76	5	81	Trúng tuyển	
156	H' MRăt Niê	TH155	26/02/1996	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		62	5	67	Không trúng tuyển	
157	Phạm Thị Ngọc Chung	TH159	24/3/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Phú Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		78		78	Trúng tuyển	
158	Phan Thị Nhung	TH160	22/3/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Phú Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		55		55	Không trúng tuyển	
159	Phan Anh Tuấn	TH162	19/12/1989	Nam	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		53		53	Trúng tuyển	
160	Đỗ Thị Phương Uyên	TH163	25/6/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		50		50	Không trúng tuyển	
161	Trịnh Thị Mai Hương	TH169	13/3/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Giáo dục Thể chất		71		71	Trúng tuyển	
162	Cao Thị Như Ý	TH170	06/7/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Giáo dục Thể chất	Có	67		67	Không trúng tuyển	
163	H' Nao H'Đơk	TH164	03/07/2000	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		62	5	67	Trúng tuyển	
164	Nguyễn Thị Nga	TH165	01/5/1985	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
165	Phạm Nguyễn Yến Nhi	TH166	12/09/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		85		85	Trúng tuyển	
166	Nguyễn Thị Quỳnh Phượng	TH167	20/01/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63		63	Không trúng tuyển	
167	H' Wễn Êban	TH168	02/5/2000	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Thái Phiên	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60	5	65	Không trúng tuyển	
168	Lê Thị Diễm Huyền	TH171	26/12/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	50		50	Không trúng tuyển	
169	Hoàng Thị Phi Nga	TH172	05/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		83		83	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
170	Nguyễn Vũ Phương Oanh	TH173	29/3/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		52		52	Không trúng tuyển	
171	Nguyễn Thị Thảo Phương	TH174	21/8/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		66		66	Không trúng tuyển	
172	Đàm Thị Thu Hà	TH175	17/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		66		66	Trúng tuyển	
173	Đào Thị Thu Phương	TH176	05/9/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50		50	Không trúng tuyển	
174	Trần Thị Thanh	TH177	26/7/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		77		77	Trúng tuyển	
175	Trần Thị Thanh Hoa	TH178	01/02/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63		63	Không trúng tuyển	
176	Đào Vĩnh Hòa	TH179	28/5/1985	Nam	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		66	5	71	Trúng tuyển	
177	Lê Trần Thu Hương	TH180	29/8/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61		61	Không trúng tuyển	
178	Lê Thị Thùy Linh	TH181	01/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	
179	Nguyễn Ngọc Mỹ Linh	TH182	18/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		58		58	Không trúng tuyển	
180	Lê Thị Hồng Nhung	TH183	19/5/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		86		86	Trúng tuyển	
181	Nguyễn Thị Phương Thảo	TH184	10/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		76		76	Trúng tuyển	
182	Nguyễn Thị Tố Uyên	TH185	09/7/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		77		77	Trúng tuyển	
183	Nguyễn Thị Thu Hằng	TH186	07/10/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Có	61		61	Không trúng tuyển	
184	Bùi Thị Tú Huyền	TH187	15/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		51		51	Không trúng tuyển	
185	Phạm Thùy Linh	TH188	04/7/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		70		70	Không trúng tuyển	
186	Phan Thị Thanh Thảo	TH189	06/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50		50	Không trúng tuyển	
187	Tưởng Thị Hà Trang	TH190	04/8/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Cao Vân	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		75		75	Trúng tuyển	
188	Nguyễn Thị Trà My	TH191	14/5/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
189	Nguyễn Thị Thúy Nga	TH192	29/11/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		95		95	Trúng tuyển	
190	Nguyễn Thu Thảo	TH193	01/01/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60		60	Trúng tuyển	
191	Nguyễn Thanh Tùng	TH194	05/8/1994	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		55		55	Không trúng tuyển	
192	Nguyễn Mai Hoa	TH197	08/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72		72	Trúng tuyển	
193	Nông Thị Thiên Hương	TH198	04/10/1988	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56	5	61	Không trúng tuyển	
194	Nguyễn Thị Thanh Lâm	TH199	27/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60		60	Không trúng tuyển	
195	Hồ Thị Rô Ly	TH200	28/7/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61		61	Không trúng tuyển	
196	Trần Công Anh Nghĩa	TH201	13/10/1999	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65		65	Không trúng tuyển	
197	Đặng Phạm Thảo Nguyên	TH202	09/6/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		53		53	Không trúng tuyển	
198	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh	TH203	28/01/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		73		73	Trúng tuyển	
199	Vũ Thị Nam Thanh	TH204	30/9/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
200	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TH205	26/9/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60		60	Không trúng tuyển	
201	Đồng Thị Trang	TH206	11/7/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		58		58	Không trúng tuyển	
202	Trần Thị Hương Vân	TH207	26/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		75		75	Trúng tuyển	
203	Trần Thảo Ly	TH208	04/8/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
204	Lê Võ Văn Toàn	TH209	06/3/1986	Nam	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		71		71	Trúng tuyển	
205	H Duy Byă	TH210	04/01/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiếng Pháp	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp		52.5	5	57.5	Trúng tuyển	
206	Nguyễn Như Hằng	TH218	23/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Jút	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
207	Đặng Thị Hồng Huệ	TH219	30/4/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Jút	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		70		70	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
208	Phan Thị Thu Thảo	TH220	14/8/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Jút	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		56		56	Không trúng tuyển	
209	Lê Thị Ánh Tuyết	TH221	02/9/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Jút	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
210	Hồ Xuân Mai	TH019	13/6/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71.5		71.5	Trúng tuyển	
211	Đinh Nguyễn Nhật Mai	TH020	07/01/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		63		63	Không trúng tuyển	
212	Trương Thị Vân	TH021	15/11/1986	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
213	Nguyễn Thị Tường An	TH195	26/5/1995	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71.5	5	76.5	Trúng tuyển	
214	Tường Thị Hồng Hải	TH196	06/6/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
215	Lê Tất Hoàn	TH222	21/5/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		64		64	Không trúng tuyển	
216	Nguyễn Thị Loan	TH223	12/3/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		70.5		70.5	Trúng tuyển	
217	Nguyễn Thị Thúy	TH224	11/12/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		71		71	Trúng tuyển	
218	Nông Thị Nguyệt	TH225	25/9/1999	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		58.5	5	63.5	Không trúng tuyển	
219	H'Diên Niê	TH226	01/3/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		52	5	57	Không trúng tuyển	
220	Hà Thị Đức	TH227	25/6/1986	Nữ	Thái	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		61.5	5	66.5	Trúng tuyển	
221	H Muen Êban	TH228	02/01/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		48.5	5	53.5	Không trúng tuyển	
222	H Zim Niê Buôn Rít	TH229	12/11/1997	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Tiểu học (chỉ tiêu dành cho DTTS)	Trường Tiểu học Y Wang	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		54	5	59	Trúng tuyển	
223	Võ Thị Tú Anh	TH211	09/4/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		65.5		65.5	Không trúng tuyển	
224	Hoàng Thị Thùy Dương	TH212	03/7/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		80		80	Trúng tuyển	
225	Hồ Thị Hà	TH213	13/7/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
226	Nguyễn Thị Hòa	TH214	10/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		72		72	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
227	Đoàn Thị Hương	TH215	10/7/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		53		53	Không trúng tuyển	
228	Lâm Kỳ Nam	TH216	30/9/1998	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		59		59	Không trúng tuyển	
229	Nguyễn Thị Dáng Nguyên	TH217	26/6/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12/12	Đại học	Giáo dục Tiểu học		50.5		50.5	Không trúng tuyển	
Danh sách gồm 229 thí sinh./.																	

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3

KẾT QUẢ VÒNG 2 (PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành Kèm theo Tờ trình số 82 /TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột 2022)

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Vũ Nguyễn Ngọc Anh Đào	CS119	18/02/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		59.5		59.5	Không trúng tuyển	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	CS120	21/08/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	CS121	18/04/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		62		62	Không trúng tuyển	
4	Nguyễn Thị Ngọc Linh	CS122	19/03/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học;Toán học		60.5		60.5	Không trúng tuyển	
5	Nguyễn Lê Mai Ly	CS123	10/12/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán; PPDH Toán		70.5		70.5	Không trúng tuyển	
6	Võ Thị Thu Sương	CS124	08/05/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		71.3		71.3	Không trúng tuyển	
7	Đỗ Văn Thái	CS125	03/04/1999	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		62		62	Không trúng tuyển	
8	Nguyễn Hà Huyền Trang	CS126	04/02/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70.8		70.8	Không trúng tuyển	
9	Bùi Thành Vinh	CS127	15/11/1988	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hùng Vương	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học;Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Toán		84		84	Trúng tuyển	
10	Nguyễn Thu Hà	CS168	25/12/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		70		70	Không trúng tuyển	
11	Nông Thị Ngọc Như	CS169	27/07/1992	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		66	5	71	Không trúng tuyển	
12	H Thủy Kmăn	CS170	25/07/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		71	5	76	Trúng tuyển	
13	Nguyễn Lê Thảo Vân	CS171	20/01/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		70		70	Không trúng tuyển	
14	Nguyễn Thị Dung	CS010	10/05/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		69		69	Không trúng tuyển	
15	Phạm Thị Hiền	CS011	10/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		66.5		66.5	Không trúng tuyển	
16	Đặng Thị Thanh Hiếu	CS012	07/04/1997	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		50	5	55	Không trúng tuyển	
17	Nguyễn Thị Huyền	CS013	29/07/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
18	Trịnh Thị Tuyết Lan	CS014	10/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70.5		70.5	Không trúng tuyển	
19	Đinh Thị Lan	CS015	29/07/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		79.5		79.5	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
20	Lê Thị Bích Liên	CS016	08/09/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		86		86	Trúng tuyển	
21	Hoàng Thị Thanh Loan	CS017	19/02/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán giải tích		72		72	Không trúng tuyển	
22	Lê Thị Ngân	CS018	16/09/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		67		67	Không trúng tuyển	
23	Lê Thị Bích Ngọc	CS019	28/01/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		67.5		67.5	Không trúng tuyển	
24	Nguyễn Đinh Thảo Nguyên	CS020	31/10/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
25	Trịnh Thị Hồng Nhiên	CS021	04/01/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		51		51	Không trúng tuyển	
26	Trần Thị Oanh	CS022	22/06/1993	Nữ	Kinh	Con Bệnh binh	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán - Lý		71	5	76	Không trúng tuyển	
27	Võ Minh Nam Sơn	CS023	24/09/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		55		55	Không trúng tuyển	
28	Đào Mỹ Tân	CS024	12/08/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
29	Lưu Thị Thảo	CS025	21/05/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		64		64	Không trúng tuyển	
30	Y - Thiện Hmok	CS026	01/06/1998	Nam	Ê đê	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		50	5	55	Không trúng tuyển	
31	Lưu Thị Lệ Thu	CS027	04/01/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70		70	Không trúng tuyển	
32	Lưu Văn Thực	CS028	07/07/1991	Nam	Nùng	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70.5	5	75.5	Không trúng tuyển	
33	Nguyễn Lê Phương Thúy	CS029	11/11/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		73		73	Không trúng tuyển	
34	Đỗ Linh Thùy	CS030	06/08/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		68		68	Không trúng tuyển	
35	Nguyễn Thị Thùy Trang	CS031	23/02/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
36	Nguyễn Thị Thùy Trang	CS032	11/07/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		66		66	Không trúng tuyển	
37	Nguyễn Thị Thu Trang	CS033	03/12/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
38	Nguyễn Thị Trâm Anh	CS001	19/07/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		71.5		71.5	Không trúng tuyển	
39	Võ Thị Hồng Hà	CS002	04/12/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		31		31	Không trúng tuyển	
40	Nguyễn Thị Phương Linh	CS003	12/01/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
41	Trần Thị Kim Mân	CS004	05/09/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		59		59	Không trúng tuyển	
42	Đồng Quang Minh	CS005	12/10/1999	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		28		28	Không trúng tuyển	
43	Phạm Thị Thanh Tâm	CS006	27/05/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		80		80	Trúng tuyển	
44	Nguyễn Thị Hòa	CS007	10/06/1985	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Ngữ Văn	Có	81		81	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
45	Nguyễn Thị Kim Liên	CS008	01/01/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		62		62	Không trúng tuyển	
46	H Thoa Knul	CS009	26/03/1993	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đào Duy Từ	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		70	5	75	Không trúng tuyển	
47	Đinh Thị Ngọc Bích	CS038	05/03/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
48	Trần Thị Thu Hiền	CS039	02/04/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Toán học	Có	61.5		61.5	Không trúng tuyển	
49	Lưu Thị Hiền	CS040	16/07/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		61		61	Không trúng tuyển	
50	Hà Thị Thu Hương	CS041	02/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		77		77	Trúng tuyển	
51	Võ Thị Kim Long	CS042	30/11/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Toán học	Có	62		62	Không trúng tuyển	
52	Hoàng Trọng Nam	CS043	04/07/1998	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		56		56	Không trúng tuyển	
53	Y Phong Aliô	CS044	17/11/1995	Nam	Ê đê	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		50	5	55	Không trúng tuyển	
54	Phạm Thị Ngọc Viên	CS045	18/01/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		73		73	Không trúng tuyển	
55	Nguyễn Thị Văn	CS063	12/12/1991	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		85	5	90	Trúng tuyển	
56	Mai Quỳnh Dung	CS049	12/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hoá học		66		66	Không trúng tuyển	
57	Buôn Giá Thanh Dung	CS050	26/03/1992	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		71	5	76	Không trúng tuyển	
58	Bạch Xuân Hà	CS051	06/12/1986	Nam	Kinh	CTB	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		71	5	76	Không trúng tuyển	
59	Nguyễn Trung Hiếu	CS052	16/10/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		69		69	Không trúng tuyển	
60	Nguyễn Chung Lan Hương	CS053	10/02/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
61	Nguyễn Thị Lợi	CS054	03/03/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		71		71	Không trúng tuyển	
62	Chu Hữu Nghiệp	CS055	16/02/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		77		77	Trúng tuyển	
63	Đỗ Thị Hà Phương	CS056	18/11/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		79		79	Trúng tuyển	
64	Lê Thị Thảo	CS057	10/06/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hóa học		55		55	Không trúng tuyển	
65	Trần Thị Trang	CS058	30/01/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		50		50	Không trúng tuyển	
66	Phùng Thị Trang	CS059	08/09/1991	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		56	5	61	Không trúng tuyển	
67	Hồ Thị Thuỳ Trang	CS060	28/08/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		60		60	Không trúng tuyển	
68	Nguyễn Thị Thúy Uyên	CS061	02/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		63		63	Không trúng tuyển	
69	Nguyễn Thị Quý Vy	CS062	19/05/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
70	Phạm Thị Mai Chi	CS064	02/02/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		77		77	Trúng tuyển	
71	Nguyễn Thị Thu Hà	CS065	28/06/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		50		50	Không trúng tuyển	
72	Nguyễn Thị Trà My	CS066	11/11/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		57		57	Không trúng tuyển	
73	Trần Thanh Tâm	CS067	12/03/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		51		51	Không trúng tuyển	
74	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo	CS068	20/08/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Anh văn biên phiên dịch	Có	65		65	Không trúng tuyển	
75	Đặng Thị Mai	CS046	28/03/1992	Nữ	Dao	DTTS	Giáo viên Hóa học (Chỉ tiêu dành cho người DTTS)	Trường THCS Ea Tu	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		71	5	76	Không trúng tuyển	
76	Nông Thị Thi	CS047	15/05/1991	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Hóa học (Chỉ tiêu dành cho người DTTS)	Trường THCS Ea Tu	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		71	5	76	Không trúng tuyển	
77	H Vương Kbuôr	CS048	12/01/1988	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Hóa học (Chỉ tiêu dành cho người DTTS)	Trường THCS Ea Tu	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		80	5	85	Trúng tuyển	
78	Nguyễn Thuý An	CS069	19/08/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		66		66	Không trúng tuyển	
79	Nguyễn Nhật Anh	CS070	18/12/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán học		61		61	Không trúng tuyển	
80	Đậu Duy Cường	CS071	02/10/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		64		64	Không trúng tuyển	
81	Sầm Thị Hồng	CS072	10/02/1993	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		62	5	67	Không trúng tuyển	
82	Nguyễn Thị Thu Hường	CS073	08/06/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		53.5		53.5	Không trúng tuyển	
83	Nguyễn Đức Lập	CS074	29/02/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		53		53	Không trúng tuyển	
84	Ngô Diệu Linh	CS075	04/09/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		68		68	Không trúng tuyển	
85	Đặng Thị Thảo Ly	CS076	02/01/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		54		54	Không trúng tuyển	
86	Trần Đức Mạnh	CS077	27/08/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		61		61	Không trúng tuyển	
87	Nguyễn Thị Hạnh Ngọc	CS078	16/03/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		41		41	Không trúng tuyển	
88	Lê Thị Thu Ngọc	CS079	18/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
89	Tạ Đàm Thảo Nguyên	CS080	26/02/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		77		77	Trúng tuyển	
90	Phan Thi Minh Phương	CS081	01/05/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		77		77	Trúng tuyển	
91	Hồ Thị Phương	CS082	30/07/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Toán học	Có	71		71	Không trúng tuyển	
92	Thân Thị Kim Phượng	CS083	19/06/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		72		72	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
93	Phạm Thị Minh Thương	CS084	26/03/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		61		61	Không trúng tuyển	
94	Lê Ngọc Thủy Tiên	CS085	18/03/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		71		71	Không trúng tuyển	
95	Hồ Bảo Toàn	CS086	13/08/1988	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
96	Lâm Thanh Tuyền	CS087	12/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70		70	Không trúng tuyển	
97	Tống Ngọc Trâm Anh	CS034	25/05/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		75		75	Không trúng tuyển	
98	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	CS035	19/02/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		76		76	Không trúng tuyển	
99	Dương Thị Thu Hiền	CS036	20/02/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		56		56	Không trúng tuyển	
100	Phan Thị Thu Hiền	CS037	18/08/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Đoàn Kết	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		80		80	Trúng tuyển	
101	Võ Thị Mai Anh	CS088	28/06/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý		71.5		71.5	Không trúng tuyển	
102	Trần Thị Ngọc Ánh	CS089	08/03/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
103	Nông Thị Bổ	CS090	18/05/1988	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý		68.5	5	73.5	Không trúng tuyển	
104	Phạm Thị Kim Châu	CS091	30/07/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		46		46	Không trúng tuyển	
105	Phạm Thị Na	CS092	29/12/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		64.5		64.5	Không trúng tuyển	
106	Trần Thị Phương Quỳnh Mlô	CS093	26/12/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		71.5	5	76.5	Không trúng tuyển	
107	Nguyễn Thị Tâm	CS094	04/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		70.5		70.5	Không trúng tuyển	
108	Phạm Thị Tuyết	CS095	08/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		16		16	Không trúng tuyển	
109	Đặng Thị Vân	CS096	07/12/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hàm Nghi	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		85		85	Trúng tuyển	
110	Đặng Thị Thùy Dương	CS097	15/09/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Khánh	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
111	Nguyễn Thị Thanh Huệ	CS098	24/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Khánh	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		77		77	Trúng tuyển	
112	Lê Thị Quỳnh An	CS099	02/08/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		78		78	Trúng tuyển	
113	Y Ôp Phen Êban	CS100	01/05/2000	Nam	Ê đê	DTTS	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		65.5	5	70.5	Không trúng tuyển	
114	Mai Xuân Cường	CS101	12/05/1998	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
115	Phan Thị Hạnh	CS102	16/07/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán học		62		62	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
116	Đỗ Thị Thanh Trà	CS103	07/11/1997	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		59	5	64	Không trúng tuyển	
117	Nguyễn Quốc Việt	CS104	21/04/1988	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Hòa Phú	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học;Toán học		81		81	Trúng tuyển	
118	Lê Thị Khánh Dung	CS105	12/11/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		61		61	Không trúng tuyển	
119	Phạm Thị Hường	CS106	23/6/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		72		72	Không trúng tuyển	
120	Phạm Thuỳ Ngoan	CS107	17/10/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		72		72	Không trúng tuyển	
121	Lê Thị Cẩm Vân	CS108	06/10/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		51		51	Không trúng tuyển	
122	Phan Hồ Nhã Vy	CS109	11/01/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		77.5		77.5	Trúng tuyển	
123	H Giuên Mlô	CS111	09/01/1994	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
124	Phan Duy Hiệp	CS112	10/06/1987	Nam	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sinh học	Có	63		63	Không trúng tuyển	
125	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CS113	12/12/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Sinh- KTNN; Sinh học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
126	Huỳnh Thị Phúc	CS114	04/04/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		50		50	Không trúng tuyển	
127	Nguyễn Thị Sơn	CS115	12/10/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		80		80	Trúng tuyển	
128	Trần Thanh Thủy	CS116	12/07/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		67		67	Không trúng tuyển	
129	Quang Bảo Trang	CS117	20/02/1997	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
130	Nguyễn Thị Hoài Vi	CS118	12/07/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hòa Xuân	12/12	Đại học	Sinh học	Có	66		66	Không trúng tuyển	
131	Đỗ Thị Bích Thủy	CS128	02/11/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		70		70	Không trúng tuyển	
132	Chu Thị Hồng Yến	CS129	17/10/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Văn học - Ngôn ngữ	Có	78		78	Trúng tuyển	
133	Từ Thị Phương Dung	CS130	11/05/1990	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		62	5	67	Không trúng tuyển	
134	H My Riam Êban	CS131	05/06/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		50	5	55	Không trúng tuyển	
135	Võ Thị Lộc	CS132	02/01/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Địa lý học	Có	70		70	Không trúng tuyển	
136	Hà Quang Nhật	CS133	18/10/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	12/12	Đại học	Sư phạm Địa lý		80		80	Trúng tuyển	
137	Phạm Ngọc Chiến	CS134	06/05/1990	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		66		66	Không trúng tuyển	
138	Lê Thu Hiền	CS135	24/12/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học	Hóa học	Có	71		71	Không trúng tuyển	
139	Nguyễn Mỹ Huệ	CS136	03/10/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học;Hoá học		66		66	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
140	Đinh Thị Diệu Hương	CS137	13/10/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		68		68	Không trúng tuyển	
141	Trần Thị Luyến	CS138	10/04/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		79		79	Trúng tuyển	
142	Lê Thị Quỳnh Như	CS139	19/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hóa học		61		61	Không trúng tuyển	
143	Nguyễn Thị Thu Thảo	CS140	05/05/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hóa lý		68		68	Không trúng tuyển	
144	Lê Thị Thương Thương	CS141	28/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lạc Long Quân	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		60		60	Không trúng tuyển	
145	Bùi Thị Hà	CS142	02/10/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		70		70	Không trúng tuyển	
146	Lâm Thị Liễu	CS143	15/07/1991	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		64	5	69	Không trúng tuyển	
147	Trịnh Thị Đài Trang	CS144	11/10/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		73.5		73.5	Trúng tuyển	
148	Hà Thị Kim Chi	CS145	15/01/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Ngữ văn	Có	77		77	Trúng tuyển	
149	Lê Anh Đào	CS146	11/10/1987	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		68.5	5	73.5	Không trúng tuyển	
150	Phùng Thị Hương Giang	CS147	17/06/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		66		66	Không trúng tuyển	
151	Nguyễn Thị Diệu Hiền	CS148	07/01/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sinh học	Có	61		61	Không trúng tuyển	
152	Nguyễn Thị Dáng Thu	CS149	11/02/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		73		73	Không trúng tuyển	
153	Thái Bé Thủy	CS150	12/12/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		71		71	Không trúng tuyển	
154	Trịnh Thị Thu Trang	CS151	06/05/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sinh học	Có	68		68	Không trúng tuyển	
155	Nguyễn Thị Huyền Trang	CS152	05/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Sinh học		80		80	Trúng tuyển	
156	Nguyễn Thị Bình An	CS153	07/09/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
157	Lê Ngọc Đàn	CS154	07/03/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		64		64	Không trúng tuyển	
158	Hồ Thị Thu Hiền	CS155	18/12/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		77		77	Trúng tuyển	
159	Nông Thị Thu Hiền	CS156	11/07/1986	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		61	5	66	Không trúng tuyển	
160	Mã Thị Kim Hoài	CS157	24/04/1993	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán; Toán giải tích		61	5	66	Không trúng tuyển	
161	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	CS158	09/09/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		67		67	Không trúng tuyển	
162	Lê Công Thắng	CS159	14/06/1990	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
163	Đỗ Tiến Thịnh	CS160	08/01/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		63		63	Không trúng tuyển	
164	Nguyễn Thị Hà Vân	CS161	18/02/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		78		78	Trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
165	Trần Thị Kim Chi	CS162	24/02/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý		75		75	Không trúng tuyển	
166	Lê Hùng Cường	CS163	31/08/1988	Nam	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Vật lý lý thuyết và vật lý toán		77		77	Trúng tuyển	
167	Nguyễn Thị Thu Hương	CS164	22/01/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		51.5		51.5	Không trúng tuyển	
168	Nguyễn Thị Liễu	CS165	27/02/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		75		75	Không trúng tuyển	
169	Trần Thị Thanh Nga	CS166	07/01/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		76		76	Không trúng tuyển	
170	Nguyễn Thị Như Ngọc	CS167	10/01/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		51		51	Không trúng tuyển	
171	Nguyễn Thị Hồng Ân	CS172	19/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		60		60	Không trúng tuyển	
172	Trần Lan Anh	CS173	14/10/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		51.5		51.5	Không trúng tuyển	
173	Tạ Thị Duyên	CS174	08/11/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		78		78	Trúng tuyển	
174	Nguyễn An Giang	CS175	22/05/1995	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		60		60	Không trúng tuyển	
175	Phạm Trung Khuê	CS176	20/08/1986	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		52.5		52.5	Không trúng tuyển	
176	Nguyễn Ngọc Mai	CS177	24/03/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán		63		63	Không trúng tuyển	
177	Nguyễn Thị Ngọc	CS178	06/04/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
178	Bùi Thị Lệ Quyên	CS179	08/08/1989	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		52	5	57	Không trúng tuyển	
179	Nguyễn Thị Bích Trâm	CS180	24/11/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		50		50	Không trúng tuyển	
180	Hoàng Thị Thu Hà	CS216	10/11/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Lợi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán giải tích		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
181	Thái Thị Hoàng Nhung	CS217	27/11/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Lợi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán giải tích		79		79	Trúng tuyển	
182	Trần Minh Phúc	CS218	19/05/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Lợi	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Toán học; Toán giải tích		75		75	Không trúng tuyển	
183	Võ Thị Phương Thảo	CS219	10/04/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		76		76	Không trúng tuyển	
184	Phạm Thị Hồng Thúy	CS220	12/05/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Lợi	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		70		70	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
185	Lâm Nhật Mỹ Duyên	CS184	29/04/1999	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		51		51	Không trúng tuyển	
186	Đỗ Thị Hồng Hà	CS185	23/04/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý		40		40	Không trúng tuyển	
187	Nguyễn Thị Thuý Hằng	CS186	20/05/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		65		65	Không trúng tuyển	
188	Nguyễn Như Thúy Hằng	CS187	21/03/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
189	Nguyễn Huy Hạnh	CS188	14/04/1995	Nam	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
190	H Hen Niê	CS189	15/03/1995	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		50	5	55	Không trúng tuyển	
191	Phan Thị Thanh Hiền	CS190	26/07/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		60		60	Không trúng tuyển	
192	Trần Thị Loan	CS191	24/06/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
193	Trần Thanh Công Minh	CS192	02/08/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		41		41	Không trúng tuyển	
194	Trần Thị Minh	CS193	25/02/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		55		55	Không trúng tuyển	
195	Lê Thị Mai Sa	CS194	29/07/1985	Nữ	Mường	DTTS	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Vật lý		62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
196	Cao Thị Minh Thư	CS195	05/04/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		60		60	Không trúng tuyển	
197	Tạ Thị Minh Thuý	CS196	09/03/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		50		50	Không trúng tuyển	
198	Lê Thị Ngọc Thủy	CS197	19/01/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý		51		51	Không trúng tuyển	
199	Nguyễn Thị Trâm	CS198	01/04/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Vật lý	Có	62		62	Không trúng tuyển	
200	Dương Minh Tuấn	CS199	13/12/1985	Nam	Kinh	Con Bệnh binh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		79	5	84	Trúng tuyển	
201	Ca Hoài Nhựt Vy	CS200	14/04/1993	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý		56		56	Không trúng tuyển	
202	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	CS201	11/11/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hoá hữu cơ		60		60	Không trúng tuyển	
203	Thái Thị Kỳ	CS202	02/12/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Hoá học; Hoá lý	Có	82		82	Trúng tuyển	
204	Bùi Công Sơn	CS203	05/01/1989	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học; Hóa học		62		62	Không trúng tuyển	
205	Trần Thị Yến Vy	CS204	23/06/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		64		64	Không trúng tuyển	
206	Trương Thị Hằng	CS205	06/11/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
207	Nguyễn Ngọc Quý	CS206	06/08/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch Sử		56		56	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
208	Nguyễn Mai Diễm Quỳnh	CS207	26/11/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Phạm Hồng Thái	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		78		78	Trúng tuyển	
209	Hoàng Thị Băng	CS208	19/02/1990	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		55	5	60	Không trúng tuyển	
210	Hoàng Thúy Hằng	CS209	12/09/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Toán học	Có	57		57	Không trúng tuyển	
211	Võ Hồng Hạnh	CS210	11/05/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		60		60	Không trúng tuyển	
212	Đào Hoàng Long	CS211	25/03/1991	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		55		55	Không trúng tuyển	
213	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	CS212	05/04/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		64		64	Không trúng tuyển	
214	Nguyễn Thị Quyên	CS213	01/12/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		0.0		0.0	Không trúng tuyển	
215	Hoàng Thị Thuật	CS214	15/11/1993	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		46	5	51	Không trúng tuyển	
216	Nguyễn Thị Vân	CS215	15/10/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		79		79	Trúng tuyển	
217	Nguyễn Minh Châu	CS221	23/03/1989	Nam	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Bình Trọng	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		77		77	Trúng tuyển	
218	Phạm Thị Lê	CS222	23/08/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Trần Bình Trọng	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		57		57	Không trúng tuyển	
219	Nguyễn Thị Hoài Thương	CS223	04/06/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Trần Bình Trọng	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		50		50	Không trúng tuyển	
220	Phan Thị Thanh Thuỷ	CS224	08/01/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Trần Bình Trọng	12/12	Đại học	Sư phạm Hoá học		70		70	Không trúng tuyển	
221	Nguyễn Ngọc Thúy	CS225	10/10/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Bình Trọng	12/12	Đại học	Hóa học	Có	50		50	Không trúng tuyển	
222	Nông Ngọc Đăng	CS234	02/09/1986	Nam	Tày	DTTS	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		56	5	61	Trúng tuyển	
223	Bùi Đinh Tân Kim Tráng Lợi	CS235	07/09/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		53		53	Không trúng tuyển	
224	Nông Thị Thương	CS236	06/01/1998	Nữ	Tày	DTTS	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
225	Ktul H' Bonn	CS110	21/11/1989	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoà Xuân	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		86	5	91	Trúng tuyển	
226	Hà Thị Phương Chi	CS226	25/08/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Văn học	Có	80		80	Trúng tuyển	
227	Trần Thị Mỹ Hiên	CS227	23/02/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
228	Nguyễn Thị Lan Hương	CS228	20/11/1984	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Ngữ văn; Ngôn ngữ học	Có	77		77	Trúng tuyển	
229	Võ Thị Lan Hương	CS229	06/10/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		64		64	Không trúng tuyển	
230	Phùng Thị Hương	CS230	30/05/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		63		63	Không trúng tuyển	
231	Lê Thị Mỹ Ngọc	CS231	15/08/1992	Nữ	Kinh	CTB	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Văn học	Có	54	5	59	Không trúng tuyển	
232	H Sara Bkrông	CS232	05/05/1993	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		54	5	59	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
233	Lê Trần Huyền Trang	CS233	17/02/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		59		59	Không trúng tuyển	
234	Phạm Thị Thùy Dung	CS237	20/08/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		83		83	Trúng tuyển	
235	H Eo Niê	CS238	06/02/1996	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		71	5	76	Không trúng tuyển	
236	Trần Thị Hà	CS239	17/05/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Văn học	Có	77		77	Trúng tuyển	
237	Nguyễn Thị Hường	CS240	23/12/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		55		55	Không trúng tuyển	
238	Lê Nguyễn Ban Lâm	CS241	20/05/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		64		64	Không trúng tuyển	
239	Trần Hoàng Long	CS242	02/12/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn; Ngôn ngữ học		66		66	Không trúng tuyển	
240	H' Luêñ Ayũn	CS243	25/06/1991	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		50	5	55	Không trúng tuyển	
241	Dư Thị Huệ Ly	CS244	22/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		52		52	Không trúng tuyển	
242	Ma Thị Ly	CS245	05/08/1988	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		56		56	Không trúng tuyển	
243	Lục Thị Ngân	CS246	10/10/1994	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		65	5	70	Không trúng tuyển	
244	Phạm Thị Thu Oanh	CS247	04/02/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Ngữ văn	Có	62		62	Không trúng tuyển	
245	Trần Thị Phương	CS248	30/03/1995	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
246	Trần Thị Tươi	CS249	10/06/1986	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		77		77	Trúng tuyển	
247	Đoàn Đại Chí Tâm	CS250	10/07/1981	Nam	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Tin học	Có	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
248	Nguyễn Thị Thuỳ Vân	CS251	15/09/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Tin học	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Tin học		80.5		80.5	Trúng tuyển	
249	Nguyễn Thị Vân Anh	CS252	03/10/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		64		64	Không trúng tuyển	
250	H Siêu Êban	CS253	25/09/1998	Nữ	Ê đê	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		83	5	88	Trúng tuyển	
251	Triệu Thị Ái Thư	CS254	07/04/1986	Nữ	Dao	DTTS	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
252	Nguyễn Thị Thanh Thủy	CS255	03/05/1998	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		65		65	Không trúng tuyển	
253	Nguyễn Văn Trung	CS256	15/08/1993	Nam	Kinh	-	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Quang Diệu	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
254	Đặng Thị Thảo Nguyên	CS257	04/03/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		82		82	Trúng tuyển	
255	Trần Thị Sen	CS258	10/04/1989	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		51		51	Không trúng tuyển	
256	Phạm Thảo Uyên	CS259	12/08/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
257	Vy Thị Xoa	CS260	22/05/1986	Nữ	Nùng	DTTS	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		49	5	54	Không trúng tuyển	

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
258	Lê Thị Vân Anh	CS261	04/03/1992	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
259	Nguyễn Minh Đức	CS262	17/08/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		41		41	Không trúng tuyển	
260	Nguyễn Quốc Dũng	CS263	09/11/1997	Nam	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		68		68	Không trúng tuyển	
261	Thân Mạnh Hà	CS264	10/10/1981	Nam	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		69.5		69.5	Không trúng tuyển	
262	Nguyễn Thị Hương	CS265	05/10/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		65		65	Không trúng tuyển	
263	Trần Thị Nhài	CS266	08/06/1991	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Giáo dục thể chất		49		49	Không trúng tuyển	
264	Nguyễn Thành Thắng	CS267	10/02/1996	Nam	Kinh	-	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trưng Vương	12/12	Đại học	Huấn luyện Thể thao	Có	78		78	Trúng tuyển	
265	Phạm Thị Ngọc Bích	CS181	06/09/1997	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		53		53	Không trúng tuyển	
266	Đặng Thị Hồng Linh	CS182	01/08/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		81		81	Trúng tuyển	
267	Phạm Thị Tố Nga	CS183	25/08/1986	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	12/12	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		50		50	Không trúng tuyển	
Danh sách gồm 267 thí sinh./.																	

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4

KẾT QUẢ VÒNG 2 (PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022 BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành Kèm theo Tờ trình số 82 /TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột 2022)

TT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Kết quả vòng 2 (phỏng vấn)			Kết quả	Ghi chú
									Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ NVSP (nếu có)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*
1	Đinh Thị Phương Hiền	TX001	06/10/2000	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Hóa học	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học		82		82	Trúng tuyển	
2	Hà Thị Thu Ánh	TX002	01/12/1985	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Lịch Sử	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử		71		71	Không trúng tuyển	
3	Nguyễn Thị Hằng Nga	TX003	08/05/1990	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Lịch Sử	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Lịch sử	Có	79		79	Trúng tuyển	
4	Vũ Thị Nhâm	TX004	28/04/1992	Nữ	Kinh	Con NNCĐHH	Giáo viên Ngữ văn	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Văn học	Có	66	5	71	Không trúng tuyển	
5	Võ Thị Nhân	TX005	03/02/1987	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Ngữ văn	Có	66		66	Không trúng tuyển	
6	Trần Thị Hoài Thương	TX006	27/09/1983	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Ngữ văn	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		79		79	Trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Thanh Hằng	TX007	08/05/1996	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật Lý	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Sư phạm Vật Lý		53		53	Không trúng tuyển	
8	Lê Thị Uyên Phương	TX008	15/09/1994	Nữ	Kinh	-	Giáo viên Vật Lý	Trung tâm GDNN - GDTX TP.BMT	12/12	Đại học	Sư phạm Vật Lý		82		82	Trúng tuyển	
Danh sách gồm 08 thí sinh./.																	